

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 841 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước về lĩnh vực Thủy sản, Thú y và Thủy lợi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/1/2025 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Nghệ An.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An tại Tờ trình số 296 ngày 14/3/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Thủy sản, Thú y và Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính nội bộ đã được công bố tại số thứ tự 31- mục III (Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Phần I (Danh mục thủ tục hành chính); số 31- mục III (Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Phần II (Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An) theo Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

tỉnh); Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và chi tiết thủ tục hành chính tại số thứ tự 2-VII (Lĩnh vực Thủy sản), Số 3-VIII (Lĩnh vực Thú y), mục A (Thủ tục hành chính cấp tỉnh), phần II (Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính nội bộ) theo Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- PCVP Ủy ban nhân dân tỉnh (đ/c Thiện);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Th).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỀ LĨNH VỰC THỦY
SẢN, THỦ Y VÀ THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 841 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của
 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

PHẦN I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
I LĨNH VỰC THỦY SẢN				
1	Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh	Thủy sản	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về Thủy sản; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

II LĨNH VỰC THÚ Y				
1	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản	Thú y	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y; - Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.
III LĨNH VỰC THỦY LỢI				
1	Lập, phê duyệt kế hoạch diện tích công trình thủy lợi tưới, tiêu hàng năm	Thủy lợi	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; - Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc kéo dài thời gian áp dụng Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020.

PHẦN II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH LĨNH VỰC THỦY SẢN, THÚ Y VÀ THỦY LỢI

I. Lĩnh vực thủy sản:

1. Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ban quản lý khu bảo tồn biển chủ trì xây dựng dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển và có văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu bảo tồn biển về phương án điều chỉnh, bảo đảm tối thiểu 70% ý kiến cộng đồng dân cư và có văn bản lấy ý kiến các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã liên quan; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm góp ý bằng văn bản.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển.

- Bước 4: Thành lập hội đồng thẩm định

Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hội đồng thẩm định liên ngành gồm ít nhất 07 thành viên là lãnh đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan và các chuyên gia trong lĩnh vực thủy sản, đa dạng sinh học do lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch hội đồng và tổ chức thẩm định theo quy định.

- Bước 5: Xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xin ý kiến bằng văn bản.

- Bước 6: Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển

Căn cứ ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển;

Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển. Trường hợp không ban hành quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

(i) Hồ sơ Ban quản lý khu bảo tồn biển gửi Sở Tài nguyên và Môi trường bao gồm: Văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn.

(ii) Hồ sơ Sở Tài nguyên và Môi trường trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định bao gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển.

- Báo cáo thuyết minh dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

- Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã liên quan; ý kiến cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu bảo tồn biển khu vực dự kiến điều chỉnh.

- Tài liệu liên quan khác (nếu có).

(iii) Hồ sơ Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến:

- Văn bản thẩm định;

- Báo cáo thuyết minh dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển;

- Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã liên quan; ý kiến cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu bảo tồn biển khu vực dự kiến điều chỉnh;

- Tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển: 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Khu quản lý bảo tồn biển.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

tư số 19/2018/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về Thủy sản.

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

Mẫu số 03

MẪU BÁO CÁO THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

Phần I. SỰ CẦN THIẾT

I. GIỚI THIỆU TÍNH CẤP THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI,
DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ, CĂN CỨ THỰC TIỄN

1. Căn cứ pháp lý

2. Căn cứ thực tiễn

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH
TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG, TÀI NGUYÊN SINH VẬT

1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và
thực trạng môi trường

2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU
CỦA KHU BẢO TỒN BIỂN (TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐỀ
XUẤT ĐIỀU CHỈNH)

1. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu bảo tồn trong thời kỳ trước
2. Phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện các mục tiêu bảo tồn trong thời kỳ trước
3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện mục tiêu bảo tồn trong thời gian tới

PHẦN II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Quan điểm điều chỉnh
2. Mục tiêu điều chỉnh
3. Nhiệm vụ

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

1. Về vị trí, tọa độ địa lý
2. Về diện tích
3. Các phân khu chức năng

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

1. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển đến nguồn tài nguyên thiên nhiên
2. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển đến kinh tế - xã hội của địa phương
3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích đến công tác quản lý

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ./.

Mẫu số 04

MẪU QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU BẢO TỒN BIỂN

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH/THÀNH PHỐ (1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-...(2)....(3)....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn
 biển.....(4).....**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....(1).....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư của Bộ trưởng Bộ..... hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ.....(quyết định thành lập khu bảo tồn biển.....);

Xét đề nghị của...(5)... tại Tờ trình số.../TTr-... ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh diện tích, ranh giới khu bảo tồn biển.....(4)....., gồm những nội dung sau:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ của việc điều chỉnh diện tích, ranh giới:
2. Vị trí, tọa độ địa lý Khu bảo tồn biển.....(4).....sau khi điều chỉnh
 - a) Vị trí địa lý:
 - b) Tọa độ khu bảo tồn: Kinh độ: Vĩ độ:
3. Diện tích Khu bảo tồn.....(4)..... sau khi điều chỉnh là:.....ha.
4. Các phân khu chức năng như sau:
 - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt:
 - Phân khu phục hồi sinh thái:

- Phân khu dịch vụ - hành chính:

5. Vùng đệm (ghi rõ tọa độ và diện tích), (Bản đồ kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố; thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện...(6).... và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN & MT;
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- TT Tỉnh ủy, thành ủy; TT HĐND tỉnh, thành phố (báo cáo);
- CT, các PCT UBND;
-
- Lưu VT,...(7).... (8).

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức xây dựng văn bản. Trường hợp có cơ quan cấp trên trực tiếp thì ghi tên cơ quan cấp trên trực tiếp ở trên tên cơ quan, tổ chức trình văn bản.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức xây dựng văn bản.

(3) Địa danh.

(4) Tên khu bảo tồn biển.

(5) Tên cơ quan đề nghị điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển.

(6) Tên địa phương cấp huyện có khu bảo tồn biển.

(7) Chữ viết tắt tên đơn vị chủ trì lập đề nghị và số lượng bản lưu (nếu cần).

(8) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

II. LĨNH VỰC THÚ Y

1. Công bố dịch bệnh động vật thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch bệnh động vật.

- Bước 2: Trong thời hạn 20 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị công bố dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

d) Thời hạn giải quyết: 20 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

- Có văn bản đề nghị công bố dịch của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y.

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

III. Lĩnh vực thủy lợi

1. Lập, phê duyệt kế hoạch diện tích công trình thủy lợi tưới, tiêu hàng năm

a) Trình tự thực hiện:

- Chi cục Thủy lợi tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành công văn lập hồ sơ kế hoạch diện tích các công trình thủy lợi tưới, tiêu, cấp nước gửi các địa phương, đơn vị: Trong tháng 9 (ngày làm việc) hàng năm.

- Các đơn vị, địa phương lập hồ sơ: 22 ngày làm việc kể từ khi có văn bản đề nghị lập hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối với Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định hồ sơ của các đơn vị, địa phương.

- Chi cục Thủy lợi tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch diện tích tưới, tiêu, cấp nước trong thời gian 22 ngày làm việc sau khi đi kiểm tra, thẩm định và trình UBND tỉnh theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trên Hệ thống VNPTIOFFICE đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Thủy lợi).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần

+ Biên bản làm việc giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Thủy lợi, Sở Tài chính và các địa phương, đơn vị.

+ Tờ trình, các bảng biểu diện tích có các xác nhận của UBND cấp huyện.

+ Hợp đồng diện tích tưới tiêu, danh sách hộ (lưu ở các đơn vị, địa phương).

- Số lượng hồ sơ

+ Biên bản làm việc giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Thủy lợi, Sở Tài chính và các địa phương, đơn vị (06 bộ).

+ Tờ trình, các bảng biểu diện tích có các xác nhận của UBND cấp huyện (02 bộ).

d) Thời hạn giải quyết:

- Công văn lập hồ sơ kế hoạch diện tích gửi các địa phương, đơn vị: Trong tháng 9 (ngày làm việc) hàng năm.

- Các đơn vị, địa phương lập hồ sơ: 22 ngày làm việc sau khi nhận được Công văn lập hồ sơ kế hoạch diện tích.

- Kiểm tra, thẩm định hồ sơ: sau khi nhận được hồ sơ của các địa phương, đơn vị.

- Các đơn vị, địa phương lập hồ sơ: 22 ngày làm việc sau khi nhận được Công văn lập hồ sơ kế hoạch điện tích.

- Kiểm tra, thẩm định hồ sơ: sau khi nhận được hồ sơ của các địa phương, đơn vị.

- Sở Nông nghiệp ban hành Tờ trình xin phê duyệt kế hoạch điện tích: trong thời gian 22 ngày làm việc sau khi đi kiểm tra, thẩm định hàng năm.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi của các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phân cấp tham mưu: Chi cục Thủy lợi.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt kế hoạch điện tích công trình thủy lợi tưới, tiêu, cấp nước trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Các địa phương, đơn vị phải có đủ hợp đồng tưới, tiêu, cấp nước và danh sách hộ dùng nước kèm theo của từng vụ sản xuất trong năm.

- Các hồ sơ phải đầy đủ xác nhận theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định 96/2018/NĐ-CP.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

- Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc kéo dài thời gian áp dụng Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020.

